BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1898/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành. *(Chi tiết tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Căn cứ danh mục chế độ báo cáo định kỳ được công bố theo Quyết định này, giao các đơn vị triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Rà soát các chế độ báo cáo được quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính chưa phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP để trình Bộ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung.

Rà soát các chế độ báo cáo hiện được quy định tại Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành nhưng chưa phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP để báo cáo Bộ trình cấp có thẩm quyền xem

xét, quyết định sửa đổi theo quy định.

2. Thực hiện rà soát, lập danh mục và trình Bộ Quyết định công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ khi có sự thay đổi *(Đối với các văn bản quy định, hướng dẫn chế độ báo cáo được ban hành sau thời điểm quyết định này được ban hành)*; các chế độ báo cáo chưa được công bố *(nếu có)*.

3. Phối hợp với Cục Tin học và Thống kê tài chính Công khai danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

4. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 801/QĐ-BTC ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, Các đơn vị thuộc Bộ chủ động nghiên cứu, đề xuất phương án và báo cáo Bộ qua Văn phòng Bộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để báo cáo)
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Bộ Tài chính (để đăng tải)
- Lưu: VT, VP. (10)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục 01

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo						Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo kiểm toán				x		x	x	Khoản 1 Điều 45 Luật Hải quan	Điều 12 Nghị định 08/2015/ NĐ-CP				DN được áp dụng chế độ ưu tiên	Tổng cục Hải quan (Cục KTSTQ)		
2	Báo cáo tài chính				x		x	x	Khoản 1 Điều 45 Luật Hải quan	Điều 12 Nghị định 08/2015/ NĐ-CP				DN được áp dụng chế độ ưu tiên	Tổng cục Hải quan (Cục KTSTQ)		
3	Báo cáo tình hình hoạt động XNK, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán	x					x					Điều 26 Thông tư 72/2015/TT -BTC		DN ưu tiên	Tổng cục Hải quan (Cục KTSTQ)		

4	Báo cáo hàng hóa nhập, xuất, tồn kho ngoại quan	x						x	Khoản 1 Điều 63 Luật hải quan			Khoản 9 Điều 91 Thông tư 39/2018/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan	Chi cục HQ quản lý		
5	Báo cáo hàng hóa nhập, xuất, tồn kho CFS	x						x	Khoản 3 Điều 63 Luật hải quan			Khoản 3 Điều 52c Thông tư 39/2018/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ	Chi cục HQ quản lý		
6	Báo cáo tình hình hàng hóa tồn đọng	x						x				Điều 6 Thông tư 203/2014/TT-BTC		Doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng	Chi cục HQ quản lý		
7	Báo cáo về xăng dầu nguyên liệu nhập kho Báo cáo về xăng dầu, nguyên liệu từ nội địa nhập kho Báo cáo về xăng dầu sau chuyển loại tại kho Báo cáo về xăng dầu xuất kho					Tháng		x				Khoản 4 Điều 5, khoản 3 Điều 6, Khoản 4 Điều 7, khoản 4 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư 106/2016/TT-BTC.		Chủ kho ngoại quan xăng dầu	Chi cục Hải quan quản lý		

8	Thông báo về kế hoạch xuất khẩu dầu thô	x						x				Khoản 3 Điều 43 Thông tư 69/2016/TT-BTC		Thương nhân xuất khẩu dầu thô	Chi cục Hải quan		
9	Báo cáo theo dõi thông quan hàng chuyển tiếp		x					x				Khoản 2 Điều 9 thông tư 49/2015/TT-BTC		Doanh nghiệp (Công ty bưu điện)	Chi cục Hải quan		
10	Báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	x						x				Khoản 9 Điều 1 Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 (sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 13 thông tư 12/2015/TT-BTC)		Đại lý làm thủ tục hải quan	Cục Hải quan		
11	Báo cáo bán hàng hàng tháng theo tờ khai hàng hóa xuất khẩu					Tháng	x					Khoản 3 điều 3 Thông tư số 149/2010/TT-BTC		Thương nhân bán hàng tại khu cách lý	Cơ quan hải quan quản lý cửa hàng		

12	Báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu:				x		x	x	Điều 60 Luật Hải quan	Điều 41 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ		Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018)		Tổ chức, cá nhân có hoạt động nhận gia công, sản xuất xuất khẩu (bao gồm DNCX).	Chi cục Hải quan		

13	Báo cáo Quyết toán nguyên liệu, vật tư:				x		x	x	Điều 60 Luật Hải quan	Điều 41 Nghị định 08/2015/ NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chín phủ		Điều 69a Thông tư 38/2015/TT -BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều1 Thông tư số 39/2018/TT -BTC ngày 20/4/2018		Tổ chức, cá nhân nộp báo cáo quyết toán hàng hóa đặt gia công tại nước ngoài hoặc tại DNCX.	Chi cục Hải quan.		
14	Báo cáo hàng gửi kho thuê bên ngoài DNCX	x					x	x				Điều 80 Thông tư 38/2015/TT -BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính		Sử dụng đối với trường hợp doanh nghiệp thuê kho bên ngoài DNCX để lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm của DNCX.	Chi cục hải quan quản lý DNCX		

15	Báo cáo hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng xây dựng:					Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng thầu		x				Khoản 1 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018)		Nhà thầu nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, lắp đặt thiết bị cho DNCX.	Chi cục hải quan		
16	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng hàng hóa gửi kho bảo thuế, dự kiến kế hoạch đưa hàng hóa gửi kho bảo thuế trong thời gian tiếp theo	x						x	Điều 63 Luật Hải quan	Khoản 1 Điều 96 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ				Chủ kho bảo thuế	Chi cục hải quan		

17	Báo cáo về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của kho bảo thuế				x			x	Điều 63 Luật Hải quan	Khoản 2 Điều 96 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ				Chủ kho bảo thuế	Cục Hải quan quản lý kho bảo thuế		
18	Báo cáo tổng hợp các tờ khai hải quan nhập khẩu và số lượng nguyên liệu, vật tư đã đưa vào kho bảo thuế, tổng hợp các tờ khai hải quan xuất khẩu và số lượng hàng hóa đã xuất khẩu				x			x	Điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Hải quan					Chủ kho bảo thuế	Cục Hải quan quản lý kho bảo thuế		
19	Báo cáo số đã thu, đã nộp của tháng trước						x	x				Điểm b4 khoản 7 Điều 45 Thông tư số 38/2015/TT-BTC		Tổ chức được ủy nhiệm thu lệ phí hải quan	Cơ quan Hải quan nơi ký hợp đồng với tổ chức ủy nhiệm thu		Hiện chưa triển khai thực hiện

20	Báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế				x			x				Khoản 1 Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC		Người đăng ký danh mục miễn thuế	Cơ quan Hải quan nơi đăng ký Danh mục hàng hóa miễn thuế		

Phụ lục 02

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC THUẾ DO TỔNG CỤC THUẾ CHỦ TRÌ XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi Báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Tổng cục Thuế**																
1	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn	x					x	x		1. Hóa đơn: Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014		Thông tư số 92/2015/TT-BTC; Thông tư số 39/2014/TT-BTC; Thông tư số 119/2014/TT-BTC; Thông tư số 32/2011/TT-BTC		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
2	Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí	x					x	x		Nghị định số 120//2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016		Biên lai: Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
3	Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu sản xuất trong nước	x					x	x		Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012		Thông tư số 160/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013.		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		

4	Báo cáo nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn	x					x	x		Nghị định số 51/2010/NĐ-CP; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP		Thông tư số 39/2014/TT-BTC		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
5	Báo cáo về việc truyền hóa đơn điện tử		x				x	x				Thông tư số 32/2011/TT-BTC		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
6	Báo cáo nhận in/cungcấp phần mềm tự in biên lai/cung cấp giải pháp biên lai điện tử		x				x	x				Thông tư số 303/2016/TT-BTC		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
7	Bảng kê sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân	x						x				Thông tư số 37/2010/TT-BTC		Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		
8	Bảng kê thanh toán biên lai (Mẫu CTT25/AC)	x						x					Quyết định số 30/2001/QĐ-BTC ngày 13/4/2001	Tổ chức	Cục Thuế/Chi cục Thuế		

Phụ lục 03

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị nộp báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của BTC	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của BTC	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Tổng cục Dự trữ Nhà nước**																
1	Báo cáo xuất gạo DTQG hỗ trợ học sinh					x		x		Điểm C, Khoản 6, Điều 8 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016				Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước)	Thủ tướng Chính phủ	

Phụ lục 04

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC KHO BẠC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTg CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về BTC**																
1	Báo cáo tình hình sử dụng vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước		X		X			X				TT số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 (Điểm b Khoản 2 Điều 12)		Sở Tài chính	KBNN		

2	Báo cáo cung cấp thông tin tài chính				X		X			Điều 16, 17, 18 Nghị định 25/2017/ NĐ-CP ngày 21/12//2017		Điều 5, Điều 6 Thông tư số 133/2018/ TT-BTC		- UBNN cấp xã; - Đơn vị dự toán cấp 1 thuộc cấp huyện; '- Sở Tài chính; - Đơn vị dự toán cấp 1 thuộc ngân sách cấp tỉnh; '- Đơn vị dự toán cấp 1 cấp trung ương.	KBNN, KBNN cấp tỉnh, huyện		

Phụ lục 05

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của BTC	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính (UBCKNN)**																
1	Báo cáo hoạt động của công ty quản lý quỹ					Hàng tháng	x					Điều 39 TT số 212/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
2	Báo cáo tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư					Hàng tháng	x					Điều 39 TT số 212/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
3	Báo cáo tài chính của công ty quản lý quỹ (định kỳ quý/bán niên/năm)	x	x		x		x					Điều 39 TT số 212/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
4	Báo cáo kiểm soát nội bộ của công ty quản lý quỹ				x		x					Điều 10 TT số 212/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
5	Báo cáo hoạt động quản lý danh mục đầu tư/chỉ định đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài					Hàng tháng	x					Điều 10 Thông tư 123/2015/TT-BTC		Thành viên lưu ký	UBCK NN		

6	Báo cáo hoạt động lưu ký chứng khoán của NĐTNN					Hàng tháng	x					Điều 10 Thông tư 123/2015/TT-BTC		Thành viên lưu ký	UBCK NN		
7	Báo cáo hoạt động chu chuyển vốn của NĐTNN trên tài khoản vốn đầu tư gián tiếp					2 tuần/lần	x					Điều 10 TT số 123/2015/TT-BTC		Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp, tài khoản góp vốn mua cổ phần	UBCK NN		
8	Báo cáo tình hình cấp mã số giao dịch của Trung tâm Lưu ký chứng khoán					Hàng tháng	x					Điều 10 TT số 123/2015/TT-BTC		TTLKCK	UBCK NN		
9	Báo cáo tình hình giao dịch của NĐTNN					Định kỳ ngày/ tháng/ năm	x					Điều 10 TT số 123/2015/TT-BTC		Sở GDCK	UBCK NN		
10	Báo cáo về hoạt động của quỹ mở		x		x		x					Điều 45 TT số 183/2011/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
11	Báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ mở		x		x	Hàng tháng	x					Điều 45 TT số 183/2011/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		

12	Báo cáo tài chính của quỹ mở	x	x				x					Điều 1 TT số 198/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
13	Báo cáo tài chính có kiểm toán của quỹ mở		x		x		x					Điều 1 TT số 198/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
14	Báo cáo hoạt động giám sát đối với quỹ mở	x	x		x	Hàng tháng	x					Điều 38 TT số 183/2011/TT-BTC; Điều 1 TT số 15/2016/TT-BTC Công văn số 1535/UBCK-QLQ		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
15	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đóng					Hàng tuần	x					Điều 32 TT số 224/2012/TT-BTC; TT số 155/2015/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
16	Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ đóng, quỹ thành viên	x			x	Hàng tháng	x					Điều 32 Thông tư 224/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
17	Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ đóng	x			x	Hàng tháng	x					Điều 33 TT số 224/2012/TT-BTC		NH giám sát	UBCK NN		
18	Báo cáo tài chính quỹ đóng, quỹ thành viên	x	x				x					Điều 32 TT số 224/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		

19	Báo cáo tài chính có kiểm toán của quỹ đóng, quỹ thành viên		x		x		x					Điều 32 TT số 224/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
20	Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán					Hàng tuần	x					Điều 35 TT số 227/2012/TT-BTC; TT số 155/2015/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
21	Báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán	x			x	Hàng tháng	x					Điều 35 TT số 227/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
22	Báo cáo tổng kết hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ ủy thác vốn		x		x		x					Điều 35 TT số 227/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
23	Báo cáo giám sát hoạt động công ty đầu tư chứng khoán	x			x	Hàng tháng	x					Điều 36 TT số 227/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		
24	Báo cáo tài chính của công ty đầu tư chứng khoán	x	x				x					Điều 35 TT số 227/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
25	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của công ty đầu tư chứng khoán				x		x					Điều 35 TT số 227/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
26	Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư bất động sản					Hàng tuần	x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		

27	Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản	x			x	Hàng tháng	x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		
28	Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư bất động sản bán niên và cả năm		x		x		x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		
29	Báo cáo kết quả định giá, định giá lại của tổ chức định giá đã thực hiện trong năm				x		x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		
30	Báo cáo giám sát hoạt động quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản	x			x	Hàng tháng	x					Điều 37 Thông tư 228/2012/TT-BTC		Ngân hàng giám sát	UBCK NN		
31	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác và quản lý bất động sản do tổ chức quản lý bất động sản lập				x		x					Điều 36 Thông tư 228/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
32	Báo cáo tài chính của quỹ bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản	x	x				x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		

33	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của quỹ bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản				x		x					Điều 36 TT số 228/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
34	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ ETF					Hàng tuần	x					Điều 24 TT số 229/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
35	Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ ETF (Định kỳ tháng/quý/bán niên/năm)	x	x		x	Hàng tháng	x					Điều 24 TT số 229/2012/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
36	Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ ETF (Định kỳ tháng/quý/năm)	x			x	Hàng tháng	x					Điều 25 TT số 229/2012/TT-BTC		NH giam sát	UBCK NN		
37	Báo cáo tài chính của Quỹ ETF (Định kỳ quý/bán niên)	x	x		x		x					Điều 24 TT số 229/2012/TT-BTC; TT số 181/2015/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
38	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của Quỹ ETF (Định kỳ năm)				x		x					Điều 24 TT số 229/2012/TT-BTC;		Công ty quản lý quỹ	UBCK NN		
39	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài					Hàng tháng	x					Điều 12 TT số 87/2017/TT-BTC		Tổ chức kinh doanh chứng khoán	UBCK NN		

40	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm có kiểm toán (Định kỳ năm)				x		x					Điều 12 TT số 87/2017/TT-BTC		Tổ chức kinh doanh chứng khoán	UBCK NN		
41	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của CTCK		x				x					Điều 12 TT số 87/2017/TT-BTC		Tổ chức kinh doanh chứng khoán	UBCK NN		
42	Báo cáo tình hình đầu tư chứng khoán (Định kỳ hàng năm)				x		x					Điều 17 TT số 146/2014/TT-BTC		Công ty quản lý quỹ, Công ty CK	UBCK NN		
43	Báo cáo về nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại Công ty trong năm (Định kỳ hàng năm)				x		x					Thông tư số 227/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012		Tổ chức sử dụng người hành nghề CK	UBCK NN		
44	Báo cáo tình hình hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài (Định kỳ hàng tháng/năm)				x		x					Điều 23 Thông tư 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		

45	Báo cáo tài chính quý của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Định kỳ hàng quý)	x					x					Điều 23 TT số 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		
46	Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Định kỳ 6 tháng)		x				x					Điều 23 TT số 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		
47	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (Định kỳ năm)				x		x					Điều 23 TT số 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		
48	Báo cáo tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Định kỳ hàng tháng/năm)				x	Hàng tháng	x					Điều 23 Thông tư 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		

49	Báo cáo tài chính năm của các quỹ đầu tư tại VN lập theo quy định của nước nguyên xứ (Định kỳ hàng năm)				x		x					Điều 23 TT số 91/2013/TT-BTC		Chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại VN	UBCK NN		
50	Báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài (Định kỳ hàng quý/năm)	x			x		x					Điều 12 TT số 91/2013/TT-BTC		Văn phòng đại diện	UBCK NN		
51	Báo cáo tình hình hoạt động của CTCK (Định kỳ tháng/năm)				x	Hàng tháng	x					Điều 68 TT số 210/2012/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của TT		Công ty Chứng khoán	UBCK NN		
52	Báo cáo tài chính (định kỳ quý/bán niên, năm)	x	x		x		x							Công ty Chứng khoán	UBCK NN		
53	Báo cáo tình hình tiền gửi giao dịch chứng khoán (Định kỳ hàng tuần)					Hàng tuần	x					Điều 50 TT số 210/2012/TT-BTC		Công ty Chứng khoán	UBCK NN		
54	Báo cáo giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán				x	Định kỳ tuần/ tháng/ năm	x	X				Điều 13,14 và 15,21,22,23 và Khoản 2 Điều 26 TT 115/2017/TT-BTC và TT số 35/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung TT115&116		Sở GDCK và TTLKCK	UBCK NN		

55	Báo cáo giám sát tuân thủ (định kỳ tháng/năm)				x	Hàng tháng	x	X				Điều 9 Thông tư số 116/2017/TT-BTC và TT số 35/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung TT115&116		Sở GDCK và TTLKCK	UBCK NN		
56	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty đại chúng				x		x	X				Điều 8 TT số 155/2015/TT-BTC		Công ty đại chúng	UBCK NN		
57	Báo cáo tài chính của công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn (định kỳ quý/bán niên/năm)	x	x		x		x	X				Điều 8, Điều 11 TT số 155/2015/TT-BTC		Công ty đại chúng	UBCK NN		
58	Báo cáo thường niên của công ty đại chúng (Định kỳ năm)				x		x	X				Khoản 2 Điều 8, Khoản 2 Điều 15, Khoản 2 Điều 16 Thông tư 155/2015/TT-BTC		Công ty đại chúng	UBCK NN		
59	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng						x	X		Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP				Tổ chức phát hành CK	UBCK NN		

60	Báo cáo nộp phí giám sát (Định kỳ hàng quý)	x						X				Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	Theo Quyết định số 151/QĐ-UBCK ngày 22/2/2017	Sở GDCK	UBCK NN		
61	Báo cáo về các giao dịch tự doanh đối với chứng khoán cơ sở (Định kỳ hàng tháng)					(Định kỳ hàng tháng)	x	x				Điều 19 TT số 107/2016/TT-BTC		Tổ chức phát hành CK	UBCK NN		
62	Báo cáo về vị thế mở và giá trị hiện tại của tất cả các chứng quyền (Định kỳ hàng tháng)					Hàng tháng	x	X				Điều 19 TT số 107/2016/TT-BTC		Tổ chức phát hành CK	UBCK NN		
63	Báo cáo về hoạt động thanh toán bù trừ các giao dịch ngân hàng thanh toán (Định kỳ tháng/quý/năm)	x			x	Hàng tháng		X				Khoản 3 Điều 53, Phụ lục V TT số 05/2015/TT-BTC		Ngân hàng thanh toán	UBCK NN		
64	Báo cáo tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán của tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán (Định kỳ năm)				x			X				Điều 9 TT số 157/2014/TT-BTC		Doanh nghiệp kiểm toán	UBCK NN		

65	Báo cáo quản trị công ty đại chúng của công ty niêm yết (Định kỳ 6 tháng/năm)		x		x		x	x		Điều 30 nghị định 71/2017/NĐ-CP		và Điều 11 TT số 155/2015/TT-BTC		Công ty đại chúng	UBCK NN		
66	Báo cáo về hoạt động phòng ngừa rủi ro và số lượng đã chào bán trong ngày					Ngày		x				Khoản 1 Điều 19 Thông tư 107/2016/TT-BTC		Tổ chức phát hành	UBCK NN		
67	Báo cáo giám sát tháng về tài sản bảo đảm thanh toán của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm					Tháng		x				Điều 21, Thông tư 107/2016/TT-BTC		NH lưu ký	UBCK NN		
68	Báo cáo tài chính năm có kiểm toán của thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ không phải là công ty đại chúng				x			x				Khoản 2 điều 26 Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/5/2019		Thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ không phải là công ty đại chúng	UBCK NN		

69	Báo cáo tình hình giao dịch chứng khoán phái sinh của CTCK					Hàng ngày	x					Điều 25, Thông tư 11/2016/TT-BTC		Tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán phái sinh	UBCK NN		

Phụ lục 06

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
II	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																
Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ: 25 báo cáo																	
1	Báo cáo kết quả hoạt động tháng					x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
2	Báo cáo số lượng hợp đồng và số tiền bảo hiểm nhân thọ (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

3	Báo cáo tình hình hủy bỏ, chấm dứt, đáo hạn và chi trả quyền lợi bảo hiểm nhân thọ (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
4	Báo cáo trích lập dự phòng toán học bảo hiểm nhân thọ (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
5	Báo cáo trích lập dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm nhân thọ (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

6	Báo cáo trích lập dự phòng bồi thường (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
7	Báo cáo trích lập dự phòng chia lãi (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
8	Báo cáo trích lập dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

9	Báo cáo trích lập dự phòng đảm bảo cân đối (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
10	Báo cáo hoạt động đầu tư (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
11	Báo cáo khả năng thanh toán (định kỳ tháng, quý, năm)	x	x	x	x	x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

12	Báo cáo ASEAN (định kỳ năm)				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
13	Báo cáo tách quỹ, chia lãi (định kỳ năm)				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
14	Báo cáo quy mô kênh phân phối (định kỳ quý và năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

15	Báo cáo doanh thu theo kênh phân phối (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
16	Báo cáo chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm dịch vụ khách hàng (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
17	Báo cáo về sản phẩm bảo hiểm (định kỳ tháng)					x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

18	Báo cáo của chuyên gia tính toán (định kỳ năm)				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
19	Báo cáo về hoạt động đại lý (định kỳ quý)	x	x	x	x			x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
20	Báo cáo tài chính quý, năm (BCTC năm đã được kiểm toán)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
21	Báo cáo Bộ Tài chính kết quả hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện (định kỳ năm)				x		x	x				115/2013 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
22	Tình hình hoạt động của quỹ liên kết chung (định kỳ năm)				x		x	x				52/2016/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		

23	Tình hình hoạt động của quỹ liên kết đơn vị (định kỳ năm)				x		x	x				135/2012 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
24	Báo cáo kết quả triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị (định kỳ tháng)					x	x	x				135/2012 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
25	Báo cáo trích lập dự phòng nghiệp vụ của bảo hiểm liên kết đơn vị (định kỳ quý)	x	x	x	x		x	x				135/2012 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm: 33 báo cáo																	
26	Báo cáo kết quả hoạt động tháng					x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
27	Báo cáo doanh thu phí bảo hiểm quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

28	Báo cáo chỉ tiêu kinh tế quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
29	Báo cáo bồi thường bảo hiểm quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
30	Báo cáo chi tiết trích lập dự phòng nghiệp vụ quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

31	Báo cáo tổng hợp dự phòng nghiệp vụ quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
32	Báo cáo hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
33	Báo cáo hoạt động đầu tư từ dự phòng nghiệp vụ quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

34	Báo cáo khả năng thanh toán quý, năm (DNBH phi nhân thọ)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
35	Báo cáo ASEAN hàng năm				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
36	Báo cáo tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

37	Báo cáo theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
38	Báo cáo kết quả kinh doanh bảo hiểm vật chất xe cơ giới quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
39	Báo cáo sản phẩm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài định kỳ tháng					x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

40	Báo cáo của chuyên gia tính toán (định kỳ năm)				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
41	Báo cáo hoạt động đại lý của DNBH	x	x	x	x			x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
42	Báo cáo tài chính quý, năm (BCTC năm đã được kiểm toán)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

43	Báo cáo doanh thu tái bảo hiểm quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
44	Báo cáo bồi thường, trả tiền bảo hiểm của DNTBH quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
45	Báo cáo khả năng thanh toán quý, năm (DN tái bảo hiểm)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
46	Báo cáo doanh thu bồi thường bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x		23/2018/ NĐ-CP				Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		

47	Báo cáo kết quả kinh doanh cháy, nổ bắt buộc của DNBH (định kỳ năm)				x		x	x		23/2018/ NĐ-CP				Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
48	Báo cáo tình hình thu, nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy 6 tháng, năm		x		x		x	x		23/2018/ NĐ-CP				Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
49	Báo cáo bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới	x	x	x	x		x	x				22/2016/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
50	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới)				x		x	x				22/2016/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
51	Báo cáo doanh thu phí bảo hiểm theo quý, năm (bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng)	x	x	x	x		x	x				329/2016 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
52	Báo cáo bồi thường bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x				329/2016 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
53	Báo cáo kết quả kinh doanh bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng (định kỳ năm)				x		x	x				329/2016 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
54	Báo cáo trích nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm				x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		

55	Báo cáo nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp	x	x	x	x	x	x	x		58/2018/ NĐ-CP				Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
56	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp (định kỳ quý, năm)	x	x	x	x		x	x		58/2018/ NĐ-CP				Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
57	Báo cáo tình hình triển khai bảo hiểm tai nạn thuyền viên tháng và năm				x	x	x	x				115/2014 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
58	Báo cáo tình hình triển khai bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ				x	x	x	x				115/2014 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
Lĩnh vực môi giới bảo hiểm: 05 báo cáo																	
56	Báo cáo hoạt động môi giới (theo số phí bảo hiểm, tái bảo hiểm đã thu xếp qua môi giới và hoa hồng môi giới bảo hiểm) tháng, quý, năm	x	x	x	x	x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
57	Báo cáo hoạt động môi giới (theo đối tượng khách hàng) tháng quý, năm	x	x	x	x	x	x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		

58	Báo cáo tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ qua biên giới quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
59	Báo cáo tài chính quý, năm (BCTC năm đã được kiểm toán)	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
60	Báo cáo hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu quý, năm	x	x	x	x		x	x				50/2017/ TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục QLBH		
Báo cáo khác: 04 báo cáo																	

61	Báo cáo chi tiết về kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp của UBND tỉnh	x	x	x	x		x	x		58/2018/ NĐ-CP				Đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Vụ NSNN, Cục QLBH		
62	Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện theo định kỳ 6 tháng và hàng năm		x		x			x				50/2017/ TT-BTC		Văn phòng đại diện của DN bảo hiểm nước ngoài tại VN	Cục QLBH		
63	Báo cáo tự đánh giá xếp loại của DNBH				x							195/2014 /TT-BTC		Doanh nghiệp bảo hiểm	Cục QLBH		
64	Báo cáo tình hình tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (định kỳ quý)	x	x	x	x							105/2016 /TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm	Cục QLBH		

Phụ lục 07

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC GIÁ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I. Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính																	
1	Báo cáo giá thị trường	x	x	x	x	Hàng tháng	x					Khoản 1, Điều 5 TT số 116/2018/ TT-BTC		Sở Tài chính	Cục Quản lý giá		
2	Kết quả điều tra, khảo sát chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc, lúa các vụ sản xuất trong năm					Theo các vụ trong năm		x				Khoản 3, Điều 9 TT số 77/2018/ TT-BTC		Sở Tài chính	Cục Quản lý giá		
II. Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính																	
1	Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu					Hàng tháng		x				Khoản 6 Điều 8 TT số 39/2014/ TTLT-BCT-BTC		thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu	Cục Quản lý giá		

2	Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá cả năm				x			x				Khoản 1 Điều 8 TT số 38/2014/ TT-BTC		Doanh nghiệp thẩm định giá	Cục Quản lý giá		
3	Báo cáo về chi phí kinh doanh, chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam (nếu có), chi phí phối trộn xăng E5, E10 (nếu có)				x			x				Khoản 2 Điều 1 TT số 90/2016/ TTLT-BTC-BCT		Các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu E100	Cục Quản lý giá		

Phụ lục 08

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công				x		x	x		Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 130 NĐ số 151/2017/NĐ-CP				Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cục QLCS	Chính phủ	
2	Báo cáo Kê khai định kỳ tài sản công				x		x	x		Điều 130 NĐ số 151/2017/NĐ-CP; Khoản 3, Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC				Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cục QLCS	Chính phủ	
3	Báo cáo nhập, xuất, tồn hóa đơn năm trước				x			x		Điểm a Khoản 2 Điều 99 NĐ số 151/2017/NĐ-CP				Sở Tài chính	Cục QLCS		

4	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không				x			x		Điểm b Khoản 6 Điều 24 NĐ số 44/2018/NĐ-CP				Bộ Giao thông vận tải	Cục QLCS	Chính phủ	
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải				x			x		Điểm b Khoản 6 Điều 28 NĐ số 43/2018/NĐ-CP				Bộ Giao thông vận tải	Cục QLCS	Chính phủ	
6	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa				x			x		Điểm d Khoản 6 Điều 27 NĐ số 45/2018/NĐ-CP				Bộ Giao thông vận tải	Cục QLCS	Chính phủ	
7	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia				x			x		Điểm b Khoản 6 Điều 27 NĐ số 46/2018/NĐ-CP				Bộ Giao thông vận tải	Cục QLCS	Chính phủ	
8	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ				x			x		Điểm d Khoản 6 Điều 26 NĐ số 33/2019/NĐ-CP				Bộ Giao thông vận tải	Cục QLCS	Chính phủ	

Phụ lục 09

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1899/QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tổng hợp duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm				x		x	x				Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019		DN kinh doanh DVKT, hộ KD dịch vụ kế toán	Cục QLKT		
2	Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm				x		x	x				Thông tư số 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016		DN kinh doanh DVKT, hộ KD dịch vụ kế toán	Cục QLKT		
3	Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán				x			x				Thông tư 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016		DN kinh doanh DVKT	Cục QLKT		

4	Báo cáo tình hình hoạt động				x		x	x				Thông tư 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2017		DN kinh doanh DVKT	Cục QLKT		
5	Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên				x		x	x				Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019		Hội nghề nghiệp; Cơ sở đào tạo; DN kinh doanh DVKT	Cục QLKT		
6	Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kế toán viên					Chậm nhất 05 ngày làm việc sau mỗi lớp học CNKT	x	x				Thông tư 292/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016		Hội nghề nghiệp; Cơ sở đào tạo; DN kinh doanh DVKT	Cục QLKT		
7	Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới phát sinh trong kỳ tại Việt Nam		x				x	x		Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016				DN kinh doanh DVKT nước ngoài cung cấp DVKT qua biên giới	Cục QLKT		

8	Báo cáo về tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới phát sinh trong kỳ		x				x	x		Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016				DN kinh doanh DVKT tại Việt Nam có tham gia liên danh với DN kinh doanh DVKT nước ngoài	Cục QLKT		
9	Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề hàng năm				x			x				Thông tư 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012		Doanh nghiệp kiểm toán	Cục QLKT		
10	Báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm				x			x				Thông tư 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012		Doanh nghiệp kiểm toán	Cục QLKT		
11	Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán				x			x				Thông tư 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012		Doanh nghiệp kiểm toán	Cục QLKT		
12	Báo cáo tình hình hoạt động năm				x			x				Thông tư 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012		Doanh nghiệp kiểm toán; Kiểm toán viên hành nghề	Cục QLKT		

13	Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán				x			x				Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014		Hội nghề nghiệp; Cơ sở đào tạo; DN kinh doanh DVKT	Cục QLKT		
14	Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên				x			x				Thông tư số 150/2012/TT-BTC ngày 12/9/2012; Thông tư số 56/2015/TT-BTC ngày 23/04/2015		Hội nghề nghiệp; Cơ sở đào tạo; Doanh nghiệp kiểm toán	Cục QLKT		
15	Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh trong kỳ tại Việt Nam		x					x		Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012				DN kinh doanh DVKT tại Việt Nam có tham gia liên danh với DN kinh doanh DVKT nước ngoài	Cục QLKT		

16	Báo cáo tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh trong kỳ báo cáo		x					x		Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012					Cục QLKT		
17	Báo cáo tình hình quản lý phôi chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.		x					x				Thông tư 199/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011		Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kế toán trưởng	Cục QLKT		

Phụ lục 10

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp				x			x		Điều 7 NĐ số 87/2015/ NĐ-CP ngày 06/10/2015		Điều 3,4 TT số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015		Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
2	Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước		x		x			x		Điểm k Khoản 1 Điều 12 NĐ số 87/2015/ NĐ-CP ngày 06/10/2015		Điều 5 TT số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015		Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		

3	Báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp nhà nước				x			x		Điểm d Khoản 2 Điều 31 NĐ số 87/2015/ NĐ-CP ngày 06/10/2015		Điều 11 TT số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015		Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
4	Báo cáo tình hình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN	x	x	x	x			x			QĐ số 707/QĐ-TTg; QĐ số 1232/QĐ-TTg	TT số 219/2015/ TT-BTC của Bộ Tài chính	Công văn số 991/TTg-ĐMDN của TTCP; Công văn số 208/TTg-ĐMDN của TTCP ngày 7/2/2018	Bộ, ngành và địa phương			
5	Báo cáo kế hoạch năm				x			x		Khoản 1,2 Điều 19 NĐ số 96/2018/ NĐ-CP ngày 30/6/201				Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
6	Báo cáo quyết toán				x			x						Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		

7	Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo và bảo hiểm				x			x				Khoản 1 Điều 9 TT số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017		Bộ, ngành và địa phương			
8	Báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty				x			x				Điều 6 TT số 330/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016		Bộ, ngành và địa phương			
9	Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	x			x		x	x				Điểm c Khoản 1 Điều 10 TT số 219/2015/TT-BTC	Công văn số 208/TTg-ĐMDN ngày 7/2/2018 của VPCP	Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
10	Báo cáo định kỳ thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước	x						x		Điểm 9 Khoản 16 Điều 1 NĐ số 32/2018/NĐ-CP của CP				Bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		

11	Báo cáo tình hình SXKD, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp của người đại diện phần vốn nhà nước tại DN mà NN nắm giữ 36% vốn điều lệ trở lên	x			x		x	x		Khoản 14 Điều 1 NĐ số 32/2018/ NĐ-CP của CP				Bộ, ngành và địa phương	Cơ quan đại diện CSH và Bộ Tài chính		
II	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tài chính năm				x			x		Khoản 2 Điều 40 NĐ số 87/2015/ NĐ-CP của CP				Cá nhân, tổ chức	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
2	Báo cáo tài chính 6 tháng		x					x						Cá nhân, tổ chức	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
3	Báo cáo tài chính quý	x						x		Khoản 1 Điều 35 NĐ số 91/2015/ NĐ-CP của CP				Cá nhân, tổ chức	Bộ Tài chính (Cục TCDN)		
4	Báo cáo 6 tháng				x			x				Điều 9 TT số 116/2016/ TT-BTC ngày 30/6/2016		Cá nhân, tổ chức			
5	Báo cáo cả năm				x			x						Cá nhân, tổ chức			

6	Đánh giá tình hình SXKD của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp				x		x	x		Khoản 3 Điều 33 NĐ số 91/2015/ NĐ-CP của CP		Khoản 1 Điều 9 TT số 219/2015/ TT-BTC		Cá nhân, tổ chức	Cơ quan đại diện CSH và Bộ Tài chính		
7	Báo cáo chuyển nhượng vốn					Sau 15 ngày hoàn thành chuyển nhượng		x		Khoản 13 Điều 1 NĐ số 32/2018/ NĐ-CP bổ sung Điều 29a (điểm c Khoản 3 Điều 29a)				Cá nhân, tổ chức	Cơ quan đại diện CSH và Bộ Tài chính		
8	Báo cáo tình hình tái cơ cấu	x					x	x				Điểm d Khoản 1 Điều 10 TT số 219/2015/ TT-BTC		Cá nhân, tổ chức	Cơ quan đại diện CSH và Bộ Tài chính		

Phụ lục 10

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NỢ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công		X		X	5 năm	X	X	Điều 60 Luật quản lý nợ công số 20/2017/ QH14	Điều 27 Nghị định 94/2018/ NĐ-CP		Thông tư số 84/TT-BTC ngày 13/9/2018		Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp	Cục QLN&T CĐN	Chính phủ	
2	Báo cáo tình hình cho vay lại và tình hình tài chính của bên vay lại (UBND cấp tỉnh báo cáo)		x					x	Khoản 6 Điều 17 Luật quản lý nợ công số 20/2017 /QH14	Khoản 1 Điều 32 Nghị định 97/2018/ NĐ-CP		Điều 3 Thông tư 80/2018/ TT-BTC		UBND	Cục QLN&T CĐN		
II	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																

1	Cung cấp thông tin phục vụ công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia	x			x	hàng tháng	x	x			QĐ 61/2013 /QĐ-TTg ngày 25/10/2013			Bộ, ngành và cơ quan liên quan	Cục QLN&TCĐN	Chính phủ	
2	Báo cáo tình hình cho vay lại và tình hình tài chính của bên vay lại (Cơ quan cho được ủy quyền cho vay lại, Doanh nghiệp, Đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo)		X					X	Khoản 3 Điều 19 Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14	Khoản 2 Điều 32 Nghị định 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ		Điều 3 Thông tư 80 về hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ		Bên vay lại; Cơ quan cho được ủy quyền cho vay lại;Doanh nghiệp, Đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo	Cục QLN&TCĐN	Chính phủ	
3	Văn bản xác nhận hồ sơ rút vốn của ngân hàng phục vụ					X Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ		X		Điểm b Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 91/2018/NĐ-CP		Khoản 1 Điều 4 (Mẫu Phụ lục 1) Thông tư 58/2018/TT-BTC.		Ngân hàng phục vụ	Cục QLN&TCĐN		

4	Báo cáo định kỳ 6 tháng của ngân hàng phục vụ về biến động và duy trì số dư Tài khoản Dự án		X					X		Điểm b Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP Điểm đ Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP		Mẫu Phụ lục 2. Biểu 2a Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Ngân hàng phục vụ	Cục QLN&T CĐN		
5	Báo cáo đối chiếu số liệu nợ định kỳ hàng năm				X			X		Điểm g Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP				Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
6	Báo cáo kết quả từng đợt phát hành trái phiếu của đối tượng được bảo lãnh					X 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành		X		Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP		Khoản 2 Điều 4 (Mẫu Phụ lục 12) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
7	Báo cáo định kỳ quý/6 tháng rút vốn, trả nợ, sử dụng khoản vay, khoản phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của đối tượng được bảo lãnh (doanh nghiệp)	X	X					X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 4, Biểu 4a) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh là doanh nghiệp đầu tư dự án	Cục QLN&T CĐN, Vụ TCNH		

8	Báo cáo định kỳ 6 tháng thuyết minh về tình hình thực hiện dự án, tình hình sử dụng vốn của đối tượng được bảo lãnh		X					X		Điểm b Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 4) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
9	Báo cáo tình hình góp vốn/bố trí vốn chủ sở hữu theo cam kết của đối tượng được bảo lãnh		X					X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP.		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 4, Biểu 4b) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
10	Báo cáo tình hình góp vốn điều lệ theo cam kết của các cổ đông của đối tượng được bảo lãnh		X					X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 4, Biểu 4c) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
11	Báo cáo tình hình vay trả nợ khoản vay ứng vốn từ Quỹ Tích lũy trả nợ, ngân sách nhà nước của đối tượng được bảo lãnh		X					X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 4, Biểu 4d) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		

12	Báo cáo đánh giá kết thúc giai đoạn xây dựng của đối tượng được bảo lãnh					X Sau 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu cuối cùng		X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 6, Biểu 6a) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
13	Báo cáo kết thúc khoản vay của đối tượng được bảo lãnh					X Sau khi thực hiện trả khoản nợ đến hạn cuối cùng		X		Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 5 (Mẫu Phụ lục 7) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		
14	Báo cáo tài chính của Đối tượng được bảo lãnh					X Trong vòng 10 ngày sau ngày lưu hành chính thức báo cáo tài chính năm		X		Điểm đ Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP.				Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&T CĐN		

15	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của đối tượng được bảo lãnh (ngân hàng chính sách)					X Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi đợt phát hành		X		Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Khoản 2 Điều 7 (Mẫu Phụ lục 12) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Đối tượng được bảo lãnh	Cục QLN&TCĐN, Vụ TCNH		
16	Báo cáo tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh định kỳ	X			X			X		Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Điều 8 (Mẫu Phụ lục 13) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Ngân hàng chính sách	Cục QLN&TCĐN, Vụ TCNH		
17	Báo cáo tình hình thu chi tài chính của ngân hàng chính sách					X Mười (10) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm toán		X		Điểm b Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;		Điều 8 (Mẫu Phụ lục 13) Thông tư 58/2018/ TT-BTC.		Ngân hàng chính sách	Cục QLN&TCĐN; Vụ TCNH		

18	Báo cáo chi tiết của Trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản in) về tình hình tín dụng của Đối tượng được bảo lãnh (Ngân hàng phục vụ cung cấp)					X Vào tuần làm việc đầu tiên của năm tài chính tiếp theo		X		Khoản 2 Điều 66 Nghị định số 91/2018/ NĐ-CP;				Ngân hàng phục vụ	Cục QLN&T CĐN		

Phụ lục 11

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1998 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị nộp báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của BTC	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của BTC	Các Văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công các dự án thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý				x			x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017		Bộ, ngành, địa phương	Vụ Đầu tư		
2	Báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN				x			x				Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018; Thông tư số 08/2016/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	Vụ Đầu tư		

3	Tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công của các dự án thuộc Bộ, ngành và địa phương quản lý (định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn) (chi tiết các nguồn vốn theo Thông tư số 82/2017/TT-BTC)	x	x	x	x	Tháng, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn		x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	Vụ Đầu tư	TTCP	
4	Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư từ tiền lãi dầu khí nước chủ nhà và các nguồn vốn đầu tư công khác (định kỳ hàng quý, hàng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn)	x	x	x	x	Tháng, giữa kỳ trung hạn; 5 năm trung hạn		x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính		Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Tập đoàn, các Tổng công ty	Vụ Đầu tư		
5	Tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn)	x	x	x	x	Tháng, giữa kỳ trung hạn; 5 năm trung hạn		x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính		Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vụ Đầu tư		

6	Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng chính sách xã hội (định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn)	x	x	x	x	Tháng, giữa kỳ trung hạn; 5 năm trung hạn		x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính		Ngân hàng chính sách xã hội	Vụ Đầu tư		
7	Tình hình thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất năm …(định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn 5 năm trung hạn)	x	x	x	x	Tháng, giữa kỳ trung hạn; 5 năm trung hạn		x				Điều 4 Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính		Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Ngân Hàng chính sách xã hội; Ngân hàng khác được cấp có thẩm	Vụ Đầu tư		
8	Báo cáo về việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hằng năm				x			x				Khoản 7 điều 5 Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính		Bộ, ngành trung ương; cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư; các sở, ban, ngành địa phương	Vụ Đầu tư, KBNN		

9	Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành		x		x			x				Điều 23 Thông tư số 09/2016/TT-BTC và TT số 64/2018/TT-BTC		Đối với dự án Trung ương quản lý: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; Đối với dự án địa phương quản lý: Sở Tài chính	Vụ Đầu tư	TTCP	
10	Báo cáo tình hình thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư thiết bị của dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường				x			x				Điều 11 Thông tư số 12/2017/TT-BTC ngày 10/2/2017		Quỹ BVMTVN	Vụ Đầu tư		
11	BC tình hình tiếp nhận và thanh toán vốn dự án di dân, TĐC thủy điện Sơn La					tháng		x				Điểm 2 mục 6 TT số 138/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007		Ngân hàng phát triển	Vụ Đầu tư		
12	Tình hình thực hiện và thu hồi vốn ứng trước kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý năm	x	x	x	x	tháng		x				Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017		Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Vụ Đầu tư		

Phụ lục 12

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo quyết toán năm					Báo cáo định kỳ hàng năm. Thời điểm chốt số liệu báo cáo theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN	x	x				Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017		Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		
2	Công khai ngân sách					Công khai dự toán, quyết toán NSNN	x	x				Thông tư số 61/2017/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		

3	Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa					Báo cáo định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, thời điểm các đơn vị sử dụng NSNN chốt số liệu báo cáo phải theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN		x		Nghị định số 69/2008/NĐ-CP				Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		
4	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KHCN công lập thuộc quyền quản lý					Báo cáo định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, thời điểm các đơn vị sử dụng NSNN chốt số liệu báo cáo phải theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN		x				Thông tư số 90/2017/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		

5	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP					Báo cáo định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, thời điểm các đơn vị sử dụng NSNN chốt số liệu báo cáo phải theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN		x		Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP				Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		
6	Cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác					Báo cáo định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, thời điểm các đơn vị sử dụng NSNN chốt số liệu báo cáo phải theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN		x		Nghị định số 141/2016/NĐ-CP		Thông tư số 145/2017/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		

7	Cơ chế tự chủ sự nghiệp công lập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP					Báo cáo định kỳ hàng năm. Tuy nhiên, thời điểm các đơn vị sử dụng NSNN chốt số liệu báo cáo phải theo năm ngân sách từ 1/1 đến 31/12 của kỳ báo cáo theo quy định của NSNN		x				Thông tư số 71/2006/TT-BTC		Bộ, ngành, địa phương	HCSN, NSNN		

Phụ lục 13

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1998 /QĐ-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo Bộ, ngành địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Lập Dự toán NSĐP				x			x		Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016				UBND	Vụ NSNN		
2	Dự toán NSĐP đã được HĐND quyết định				x			x	Luật NSNN	Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016				UBND	Vụ NSNN		
3	Báo cáo tình hình chấp hành NSĐP				x			x	Luật NSNN	Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016				UBND	Vụ NSNN		
4	Báo cáo chế độ chi ngân sách đặc thù ở địa phương					x		x		Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016				UBND	Vụ NSNN		

5	Báo cáo quyết toán NSĐP				x		x	x	Luật NSNN	Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016				UBND	Bộ Tài chính; Kiểm toán Nhà nước		
6	Kế hoạch tài chính 05 năm và Kế hoạch tài chính 05 địa phương				x	x		x		Nghị định 45/2017/NĐ -CP ngày 21/4/2016				UBND	Bộ Tài chính; Bộ KHĐT		
7	Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm của địa phương				x	x		x		Nghị định 45/2017/NĐ -CP ngày 21/4/2017				UBND	Bộ Tài chính; Bộ KHĐT		
8	Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách của các huyện và các cơ quan đơn vị thuộc cấp tỉnh				x		x	x				Thông tư 342/2016 /TT-BTC ngày 30/12/20 16		Sở Tài chính	Vụ NSNN		

9	Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán NSĐP và BS cấp tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, phê chuẩn				x			x				Thông tư 342/2016 /TT-BTC ngày 30/12/20 16		Sở Tài chính	Vụ NSNN		
10	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của CQĐP		x		x			x		Nghị định 93/2018/NĐ -CP ngày 30/6/2018				UBND	Bộ Tài chính (Vụ NSNN)		
11	Tình hình thực hiện NSNN, ước thực hiện thu, chi NSNN					tháng		x	Luật NSNN	Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016		Thông tư 342/2016 /TT-BTC ngày 30/12/20 16		UBND	Bộ Tài chính (Vụ NSNN)		

Phụ lục 14

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1998 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Tên Báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức báo cáo		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đối tượng gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của Thủ tướng CP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	**Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	X			X			X				Điều 13 Thông tư số 195/2013/TT-BTC		NHNN	Vụ TCNH		
2	Báo cáo kế hoạch tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				X			X				Điều 12 Thông tư số 195/2013/TT-BTC		NHNN			Bổ sung

3	Báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng hợp tác xã, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân		X		X			X		Điều 38 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính , đánh giá hiệu		Điều 10 Thông tư số 16/2018/TT-BTC; Điều 11 Thông tư số 18/2018/TT-BTC; Điều 12 Thông tư số 19/2018/TT-BTC và Điều 11 Thông tư số 20/2018/TT-		NHNN			
4	Báo cáo về tình hình kinh doanh và chấp hành quy định pháp luật của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh,				X			X				Điều 8 Thông tư số 53/2017/TT-BTC		UBND cấp tỉnh	Vụ TCNH		

5	Báo cáo về tình hình kinh doanh dịch vụ đòi nợ	X			X			X				Khoản 2 Mục I Thông tư số 110/2007/TT-BTC		UBND cấp tỉnh			
II	**Báo cáo cá nhân, tổ chức gửi về Bộ Tài chính**																
1	Báo cáo tài chính của NHCSXH	X			X			X				Khoản 4, Điều 16, Thông tư số 62/2016/TT-BTC		NHCSXH	Vụ TCNH		
2	Báo cáo tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	X			X			X				Khoản 5, Điều 19 Thông tư số 132/2015/TT-BTC		Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	Vụ TCNH		
3	Báo cáo tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân Việt Nam	X			X			X				Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 69/2013/TT-BTC		Quỹ Hỗ trợ nông dân trung ương	Vụ TCNH		

4	Báo cáo tài chính của Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo	X			X			X				Khoản 5 Điều 16 Quyết định số 66/2007/QĐ-BTC		Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo	Vụ TCNH	
5	Báo cáo tài chính của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa				X			X		Khoản 3 Điều 53 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019				Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	Vụ TCNH	
6	Báo cáo tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa				X			X		Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018				Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Vụ TCNH	

7	Báo cáo tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã		X		X			X				Khoản 4 Mục VI Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/7/2007		Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Vụ TCNH	
8	Báo cáo kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã				X			X				Khoản 3 Mục VI Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/7/2007		Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Vụ TCNH	
9	Báo cáo kết quả hoạt động và BCTC của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	X			X			X			Điều 28 Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg			Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vụ TCNH	
10	Báo cáo tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	X			X		X	X				Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BTC		TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Vụ TCNH	

11	Báo cáo tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	X			X			X				Điều 25 Thông tư số 312/2016/TT-BTC		Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	Vụ TCNH	
12	Báo cáo tài chính của Công ty mua bán nợ TCTD Việt Nam (VAMC)	X			X			X				Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 01/2017/TT-BTC		Công ty mua bán nợ TCTD Việt Nam (VAMC)	Vụ TCNH	
13	Báo cáo tài chính của Ngân hàng Hợp tác xã	X			X		X	X				Điều 10 Thông tư số 19/201		Ngân hàng Hợp tác xã	Vụ TCNH	
14	Báo cáo tài chính của tổ chức tài chính vi mô Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ				X			X				Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BTC		Tổ chức tài chính vi mô Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Vụ TCNH	

15	Báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số	X			X			X		Điều 8 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh				Doanh nghiệp kinh doanh xổ số	Vụ TCNH	
16	Báo cáo hoạt động kinh doanh xổ số	X			X			X		Điều 8 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP				Doanh nghiệp kinh doanh xổ số		

17	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài				X			X				Khoản 2 Điều 22, Khoản 3 Điều 23 Thông tư số 11/2014/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Vụ TCNH	
18	Báo cáo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	X			X			X				Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 11/2014/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Vụ TCNH	
19	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp kinh doanh casino				X			X				Khoản 2 Điều 12, Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 102/2017/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh casino	Vụ TCNH	

20	Báo cáo hoạt động kinh doanh casino		X		X			X				Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 102/2017/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh casino	Vụ TCNH	
21	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế				X			X				Khoản 2 Điều 12, Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 101/2017/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế	Vụ TCNH	
22	Báo cáo hoạt động kinh doanh đặt cược ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế		X		X			X				Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 101/2017/TT-BTC		Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế	Vụ TCNH	

23	Báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm				X			X		Điều 42 Nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm				Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Vụ TCNH	
24	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp kinh doanh quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện				X			X		Điều 32 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện				Doanh nghiệp kinh doanh quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	Vụ TCNH	

25	Báo cáo hoạt động quản lý quỹ hưu trí, báo cáo quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ				X			X		Điều 32 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP				Doanh nghiệp kinh doanh quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	Vụ TCNH	
26	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của ngân hàng giám sát đối với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện				X			X		Điều 33 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP				Ngân hàng giám sát doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	Vụ TCNH	

27	Báo cáo kết quả hoạt động trên thị trường Trái phiếu Chính phủ		X		X			X		Điểm đ Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường				Các nhà tạo lập thị trường	Vụ TCNH	
28	Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương	X			X			X				Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 28/2014/TT-BTC		Quỹ Đầu tư phát triển địa phương		

29	Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tiền ký quỹ cải tạo phục hồi mô trường trong hoạt động khai thác khoáng sản của các Quỹ Bảo vệ môi trường	X			X			X				Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 08/2017/TT-BTC		Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và các Quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh	Vụ TCNH	
30	Báo cáo kế hoạch tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng hợp tác xã				X		X	X		Điều 25 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính , đánh giá hiệu		Điều 8, Điều 9 Thông tư số 16/2018/TT-BTC; Điều 10, Điều 11 Thông tư số 19/2018/TT-BTC.		Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng hợp tác xã	Vụ TCNH	

31	Báo cáo kế hoạch tài chính của Công ty mua bán nợ TCTD Việt Nam (VAMC)				X		X	X						Công ty mua bán nợ TCTD Việt Nam (VAMC)		

Phụ lục 15

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1899 /QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên báo cáo	Tần suất và thời điểm báo cáo					Hình thức		Văn bản quy định chế độ báo cáo					Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận, báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo của Bộ Tài chính	Ghi chú
		3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	Khác	Báo cáo điện tử	Báo cáo giấy	Luật	Nghị định	Quyết định quy phạm của TTCP	Thông tư của Bộ Tài chính	Các văn bản cá biệt khác				
I	Báo cáo của Bộ, ngành và địa phương gửi về Bộ Tài chính																

1	Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí				x		x	x	Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Điều 15, 16, Nghị định số 84/2014/ NĐ-CP				Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công ty TNHH 1TV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh	Thanh tra Bộ Tài chính	Chính phủ, Quốc hội	Vụ Pháp chế chủ xây dựng văn bản QPPL